

CÔNG TY TNHH TMDV XÂY DỰNG HOÀNG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TMDV XÂY DỰNG HOÀNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG MINH CONSTRUCTION TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110288768

3. Ngày thành lập: 17/03/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 61, Phố Hào Hoa, Thôn Kiều Thị, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978352294

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (trừ nỏ cát)	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hoá (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299
11.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690

12.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
13.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
14.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
15.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
16.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
17.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (trừ nhà nước cấm)	2399
18.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
19.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ vàng miếng)	2420
20.	Đúc sắt, thép	2431
21.	Đúc kim loại màu (Loại trừ hoạt động sản xuất vàng)	2432
22.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
23.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
24.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
25.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
26.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
27.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
28.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
29.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
30.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	4791
31.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
32.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
33.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
34.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212(Chính)
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng)	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 9.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO	Việt Nam	Thôn Kiều Thị, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	10,000	001303041938	
2	LÊ MINH HIẾU	Việt Nam	Thôn Kiều Thị, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	8.100.000.000	90,000	001093024739	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/07/2003

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001303041938

Ngày cấp: 22/11/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Kiều Thị, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Kiều Thị, Xã Thắng Lợi, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội